

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C M
TỈNH A GIAG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 188/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 27/7/2023

V/v trAh chấp “Ly hôn”.

NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C M, TỈNH A GIAG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trí

2. Ông Nguyễn ThAh Liêm

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Hồng Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C M, tỉnh A GiAg.

Viện kiểm sát nhân dân huyện C M không tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C M xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 478/2023/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2023 về trAh chấp “**Ly hôn và nuôi con**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 341/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1971 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A Mỹ, xã Hòa A, huyện C M, tỉnh A GiAg.

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị Cẩm H, sinh năm 1977 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Am Mỹ, xã Hòa A, huyện C M, tỉnh A GiAg.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và tờ tự khai nguyên đơn ông Nguyễn Văn D trình bày, ông và bà Phạm Thị Cẩm H tự nguyện tìm hiểu và sống chung vào năm 1995 nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng không còn sống chung từ năm 2016 đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn, ông D yêu cầu được ly hôn bà H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Cẩm Tiên, sinh năm 1996 đã trưởng thành và Nguyễn Văn Thừa, sinh ngày 17/12/2006 hiện

đAg sống với bà H. Sau khi ly hôn, ông đồng ý để bà H tiếp tục nuôi cháu Thừa, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn bà Phạm Thị Cẩm H trong quá trình giải quyết đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án của ông D, nhưng bà không có ý kiến gì và có đơn xin vắng mặt nên không ghi nhận ý kiến và hòa giải được.

Tại phiên tòa, ông D vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Bà H có đơn xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Ông Nguyễn Văn D khởi kiện xin ly hôn bà Phạm Thị Cẩm H có nơi cư trú ấp A Mỹ, xã Hòa A, huyện C M, tỉnh A GiAg nên Tòa án nhân dân huyện C M thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Ông Nguyễn Văn D, bà Phạm Thị Cẩm H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn D, bà Phạm Thị Cẩm H là có căn cứ,

[2] Về nội dung: Ông Nguyễn Văn D và bà Phạm Thị Cẩm H sống chung vào năm 1996 và không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không tôn trọng nhau, tính tình không hợp, thường xuyên xảy ra cãi nhau. Nhận thấy tình cảm không còn, ông D xin ly hôn. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án của ông D, nhưng bà không có ý kiến gì và có đơn xin vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy, bà H và ông D sống chung với nhau, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, căn cứ Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình thì quA hệ hôn nhân giữa bà H với ông D không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Từ cơ sở trên, nghĩ nên không công nhận bà H với ông D là vợ chồng là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[2.1] Về quA hệ con chung: Ông D xác định vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Cẩm Tiên, sinh năm 1996 đã trưởng thành và Nguyễn Văn Thừa, sinh ngày 17/12/2006 hiện đAg sống với bà H. Sau khi ly hôn, ông D đồng ý để bà H được tiếp tục nuôi cháu Thừa, ông D không phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, ông D đồng ý để bà H tiếp tục nuôi cháu Thừa vì cháu hiện đAg sống ổn định với bà H và có nguyện vọng sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Để bảo đảm sự ổn định và không làm ảnh hưởng tâm lý đối với cháu Thừa. Do đó, yêu cầu của ông D phù hợp với Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

Còn cháu Tiên đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Ông D xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[2.4] Về nợ chung: Ông D xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy bA thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điều 28, 35, 39, 147, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 14, 53, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy bA thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quA hệ hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Văn D và bà Phạm Thị Cẩm H là vợ chồng.

Về quA hệ con chung: Bà H được tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Văn Thừa, sinh ngày 17/12/2006 hiện đAg sống với bà H. Ông D không phải cấp dưỡng nuôi con. Cháu Nguyễn Thị Cẩm Tiên, sinh năm 1996 đã trưởng thành.

Bà H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quA có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về quA hệ tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Ghi nhận ông D xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung trong thời kỳ hôn nhân thì ông D, bà H vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí: Ông Nguyễn Văn D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0013834 ngày 30/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C M.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7A và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAD tỉnh A GiAg;
- VKSND huyện C M;
- Chi cục THADS huyện C M;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Văn phòng.

Nguyễn Công Đức

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Công Đức